

**CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ BIOBAY**  
**CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI**

**1. Tên công ty**

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ BIOBAY

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: BIOBAY TECHNOLOGY JOINT STOCK COMPANY

Tên công ty viết tắt: BIOBAY.JSC

**2. Mã số doanh nghiệp:** 0110850377

**3. Ngày thành lập:** 30/09/2024

**4. Địa chỉ trụ sở chính:**

Thôn 2A, Xã Canh Nậu, Huyện Thạch Thất, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại: 0559153304

Fax:

Email: biobaycompany@gmail.com

Website:

**5. Ngành, nghề kinh doanh:**

| STT | Tên ngành                                                              | Mã ngành    |
|-----|------------------------------------------------------------------------|-------------|
| 1.  | Sản xuất thức ăn gia súc, gia cầm và thủy sản                          | 1080(Chính) |
| 2.  | Hoạt động dịch vụ trồng trọt                                           | 0161        |
| 3.  | Hoạt động dịch vụ chăn nuôi                                            | 0162        |
| 4.  | Hoạt động dịch vụ sau thu hoạch                                        | 0163        |
| 5.  | Chế biến, bảo quản thịt và các sản phẩm từ thịt                        | 1010        |
| 6.  | Chế biến, bảo quản thủy sản và các sản phẩm từ thủy sản                | 1020        |
| 7.  | Chế biến và bảo quản rau quả                                           | 1030        |
| 8.  | Chế biến sữa và các sản phẩm từ sữa                                    | 1050        |
| 9.  | Sản xuất tinh bột và các sản phẩm từ tinh bột                          | 1062        |
| 10. | Sản xuất các loại bánh từ bột                                          | 1071        |
| 11. | Sản xuất đường                                                         | 1072        |
| 12. | Sản xuất ca cao, sôcôla và bánh kẹo                                    | 1073        |
| 13. | Sản xuất mì ống, mỳ sợi và sản phẩm tương tự                           | 1074        |
| 14. | Sản xuất món ăn, thức ăn chế biến sẵn                                  | 1075        |
| 15. | Sản xuất chè                                                           | 1076        |
| 16. | Sản xuất cà phê                                                        | 1077        |
| 17. | Sản xuất thực phẩm khác chưa được phân vào đâu                         | 1079        |
| 18. | Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống | 4620        |
| 19. | Bán buôn vải, hàng may mặc, giày dép                                   | 4641        |

|     |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                     |      |
|-----|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------|
| 20. | Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình<br>Chi tiết:<br>- Bán buôn vali, cặp, túi, ví, hàng da và giả da khác<br>- Bán buôn hàng gốm, sứ, thủy tinh<br>- Bán buôn giường, tủ, bàn ghế và đồ dùng nội thất tương tự<br>- Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình chưa được phân vào đâu                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                        | 4649 |
| 21. | Bán buôn máy vi tính, thiết bị ngoại vi và phần mềm                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                 | 4651 |
| 22. | Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                  | 4652 |
| 23. | Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác<br>Chi tiết:<br>- Bán buôn máy móc, thiết bị văn phòng, trừ máy vi tính và thiết bị ngoại vi;<br>- Bán buôn bàn, ghế, tủ văn phòng;<br>- Bán buôn phương tiện vận tải trừ ô tô, mô tô, xe máy và xe đạp;<br>- Bán buôn người máy thuộc dây chuyền sản xuất tự động;<br>- Bán buôn dây điện, công tắc và thiết bị lắp đặt khác cho mục đích công nghiệp;<br>- Bán buôn vật liệu điện khác như động cơ điện, máy biến thế;<br>- Bán buôn các loại máy công cụ, dùng cho mọi loại vật liệu;<br>- Bán buôn máy móc, thiết bị khác chưa được phân vào đâu để sử dụng cho sản xuất công nghiệp, thương mại, hàng hải và dịch vụ khác;<br>- Bán buôn máy công cụ điều khiển bằng máy vi tính;<br>- Bán buôn máy móc được điều khiển bằng máy vi tính cho công nghiệp dệt, may;<br>- Bán buôn thiết bị và dụng cụ đo lường. | 4659 |
| 24. | Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng<br>Chi tiết:<br>- Bán buôn gỗ cây, tre, nứa;<br>- Bán buôn sản phẩm gỗ sơ chế;<br>- Bán buôn sơn và véc ni;<br>- Bán buôn vật liệu xây dựng như: cát, sỏi;<br>- Bán buôn giấy dán tường và phủ sàn;<br>- Bán buôn kính phẳng;<br>- Bán buôn đồ ngũ kim và khoá;<br>- Bán buôn ống nối, khớp nối và chi tiết lắp ghép khác;<br>- Bán buôn bình đun nước nóng;<br>- Bán buôn thiết bị vệ sinh như: Bồn tắm, chậu rửa, bệ xí, đồ sứ vệ sinh khác;<br>- Bán buôn thiết bị lắp đặt vệ sinh như: Ống, ống dẫn, khớp nối, vòi, nút chữ T, ống cao su,...;<br>- Bán buôn dụng cụ cầm tay: Búa, cưa, tua vít, dụng cụ cầm tay khác.                                                                                                                                                                                  | 4663 |

|     |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                |      |
|-----|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------|
| 25. | Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu<br>Chi tiết:<br>- Bán buôn phân bón và sản phẩm nông hóa;<br>- Bán buôn chất dẻo dạng nguyên sinh;<br>- Bán buôn cao su;<br>- Bán buôn tơ, xơ, sợi dệt<br>- Bán buôn phụ liệu may mặc và giày dép<br>- Bán buôn phế liệu, phế thải kim loại, phi kim loại                                                                                                                                                                                    | 4669 |
| 26. | Bán lẻ lương thực, thực phẩm, đồ uống, thuốc lá, thuốc Lào chiếm tỷ trọng lớn trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                           | 4711 |
| 27. | Bán lẻ thực phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                               | 4722 |
| 28. | Bán lẻ đồ ngũ kim, sơn, kính và thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng trong các cửa hàng chuyên doanh<br>Chi tiết:<br>- Bán lẻ đồ ngũ kim trong các cửa hàng chuyên doanh<br>- Bán lẻ sơn, màu, véc ni trong các cửa hàng chuyên doanh<br>- Bán lẻ kính xây dựng trong các cửa hàng chuyên doanh<br>- Bán lẻ xi măng, gạch xây, ngói, đá, cát sỏi, sắt thép và vật liệu xây dựng khác trong các cửa hàng chuyên doanh<br>- Bán lẻ gạch ốp lát, thiết bị vệ sinh trong các cửa hàng chuyên doanh | 4752 |
| 29. | Bán lẻ thảm, đệm, chăn, màn, rèm, vật liệu phủ tường và sàn trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                    | 4753 |
| 30. | Bán lẻ đồ điện gia dụng, giường, tủ, bàn, ghế và đồ nội thất tương tự, đèn và bộ đèn điện, đồ dùng gia đình khác chưa được phân vào đâu trong các cửa hàng chuyên doanh<br>Chi tiết:<br>- Bán lẻ đồ điện gia dụng, đèn và bộ đèn điện trong các cửa hàng chuyên doanh<br>- Bán lẻ giường, tủ, bàn, ghế và đồ dùng nội thất tương tự trong các cửa hàng chuyên doanh<br>- Bán lẻ đồ dùng gia đình bằng gốm, sứ, thủy tinh trong các cửa hàng chuyên doanh                                       | 4759 |
| 31. | Vận tải hàng hóa bằng đường bộ<br>Chi tiết: Kinh doanh vận tải hàng hóa bằng xe ô tô                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                           | 4933 |
| 32. | Kho bãi và lưu giữ hàng hóa<br>Chi tiết: Hoạt động lưu giữ, kho bãi đối với các loại hàng hóa trong hầm chứa, bể chứa, kho chứa hàng hóa thông thường, kho đông lạnh. (Loại trừ hoạt động Kho bãi và lưu giữ hàng hóa trong kho ngoại quan)                                                                                                                                                                                                                                                    | 5210 |
| 33. | Bốc xếp hàng hóa                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                               | 5224 |
| 34. | Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường bộ                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                        | 5225 |
| 35. | Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải<br>Chi tiết:<br>- Dịch vụ đại lý, giao nhận vận chuyển<br>- Logistics.                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                     | 5229 |

|     |                                                                                                                                              |      |
|-----|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------|
| 36. | Tổ chức giới thiệu và xúc tiến thương mại                                                                                                    | 8230 |
| 37. | Quảng cáo                                                                                                                                    | 7310 |
| 38. | Tư vấn, môi giới, đấu giá bất động sản, đấu giá quyền sử dụng đất<br>Chi tiết:<br>- Tư vấn, quản lý bất động sản;<br>- Môi giới bất động sản | 6820 |
| 39. | Đại lý, môi giới, đấu giá hàng hóa<br>Chi tiết: Đại lý bán hàng hóa (không bao gồm hoạt động đấu giá)                                        | 4610 |
| 40. | Hoạt động hỗ trợ dịch vụ tài chính chưa được phân vào đâu<br>Chi tiết:<br>- Hoạt động tư vấn đầu tư; (Loại trừ hoạt động tư vấn pháp luật)   | 6619 |
| 41. | Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu<br>Chi tiết:<br>- Xuất khẩu, nhập khẩu hàng hóa                      | 8299 |

**6. Vốn điều lệ:** 5.000.000.000 VNĐ

Mệnh giá cổ phần:

**7. Số cổ phần được quyền chào bán:**

**8. Cổ đông sáng lập:**

| STT | Tên cổ đông    | Địa chỉ liên lạc<br>đối với cá nhân;<br>địa chỉ trụ sở<br>chính đối với tổ<br>chức             | Loại cổ<br>phần                    | Số cổ<br>phần | Giá trị cổ phần<br>(VNĐ) | Tỷ lệ<br>(%) | Số giấy<br>CMND<br>(hoặc số<br>chứng thực<br>cá nhân<br>khác); Mã<br>số doanh<br>nghiệp; Số<br>quyết định<br>thành lập | Ghi<br>chú |
|-----|----------------|------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------|---------------|--------------------------|--------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------|
| 1   | HÀ NGỌC<br>YẾN | Số 67 đường S2,<br>Phường Tây<br>Thanh, Quận Tân<br>Phú, Thành phố<br>Hồ Chí Minh,<br>Việt Nam | Cổ phần<br>phổ<br>thông            | 255.000       | 2.550.000.000            | 51,000       | 0791840244<br>29                                                                                                       |            |
|     |                |                                                                                                | Cổ phần<br>ưu đãi<br>biểu<br>quyết | 0             | 0                        | 0,000        |                                                                                                                        |            |
|     |                |                                                                                                | Cổ phần<br>ưu đãi<br>cổ tức        | 0             | 0                        | 0,000        |                                                                                                                        |            |
|     |                |                                                                                                | Cổ phần<br>ưu đãi<br>hoàn lại      | 0             | 0                        | 0,000        |                                                                                                                        |            |
|     |                |                                                                                                | Các cổ<br>phần ưu<br>đãi khác      | 0             | 0                        | 0,000        |                                                                                                                        |            |
|     |                |                                                                                                | Tổng số                            | 255.000       | 2.550.000.000            | 51,000       |                                                                                                                        |            |
|     |                |                                                                                                |                                    |               |                          |              |                                                                                                                        |            |
| 2   | NGÔ HẢI YẾN    | Thôn Phù Khê<br>Thượng, Phường<br>Phù Khê, Thành<br>phố Từ Sơn, Tỉnh<br>Bắc Ninh, Việt<br>Nam  | Cổ phần<br>phổ<br>thông            | 120.000       | 1.200.000.000            | 24,000       | 0271900154<br>02                                                                                                       |            |
|     |                |                                                                                                | Cổ phần<br>ưu đãi<br>biểu<br>quyết | 0             | 0                        | 0,000        |                                                                                                                        |            |
|     |                |                                                                                                | Cổ phần<br>ưu đãi<br>cổ tức        | 0             | 0                        | 0,000        |                                                                                                                        |            |
|     |                |                                                                                                | Cổ phần<br>ưu đãi<br>hoàn lại      | 0             | 0                        | 0,000        |                                                                                                                        |            |
|     |                |                                                                                                | Các cổ<br>phần ưu<br>đãi khác      | 0             | 0                        | 0,000        |                                                                                                                        |            |
|     |                |                                                                                                | Tổng số                            | 120.000       | 1.200.000.000            | 24,000       |                                                                                                                        |            |
|     |                |                                                                                                |                                    |               |                          |              |                                                                                                                        |            |

|   |                  |                                                                                                         |                                    |         |               |        |                  |
|---|------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------|---------|---------------|--------|------------------|
| 3 | LƯU CHỈ<br>KHÁNH | A2602, Chung cư<br>Tecco Skyville,<br>Xã Ngũ Hiệp,<br>Huyện Thanh Trì,<br>Thành phố Hà<br>Nội, Việt Nam | Cổ phần<br>ưu đãi<br>hoàn lại      | 0       | 0             | 0,000  | 0350910026<br>13 |
|   |                  |                                                                                                         | Cổ phần<br>phổ<br>thông            | 125.000 | 1.250.000.000 | 25,000 |                  |
|   |                  |                                                                                                         | Cổ phần<br>ưu đãi<br>biểu<br>quyết | 0       | 0             | 0,000  |                  |
|   |                  |                                                                                                         | Cổ phần<br>ưu đãi<br>cổ tức        | 0       | 0             | 0,000  |                  |
|   |                  |                                                                                                         | Các cổ<br>phần ưu<br>đãi khác      | 0       | 0             | 0,000  |                  |
|   |                  |                                                                                                         | Tổng số                            | 125.000 | 1.250.000.000 | 25,000 |                  |
|   |                  |                                                                                                         |                                    |         |               |        |                  |

### 9. Cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài:

| STT | Tên cổ đông | Chỗ ở hiện tại đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức | Loại cổ phần | Số cổ phần | Giá trị cổ phần (VNĐ; giá trị tương đương bằng tiền nước ngoài, nếu có) | Tỷ lệ (%) | Số hộ chiếu đối với cá nhân; Mã số doanh nghiệp đối với doanh nghiệp; Số Quyết định thành lập đối với tổ chức | Ghi chú |
|-----|-------------|----------------------------------------------------------------------|--------------|------------|-------------------------------------------------------------------------|-----------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------|
|-----|-------------|----------------------------------------------------------------------|--------------|------------|-------------------------------------------------------------------------|-----------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------|

**10. Người đại diện theo pháp luật:**

\* Ho và tên: LƯU CHÍ KHÁNH

Giới tính: *Nam*

Chức danh: *Giám đốc*

Sinh ngày: 24/03/1991

Dân tộc: *Kinh*

Quốc tịch: *Việt Nam*

Loại giấy tờ pháp lý của cá nhân: *Thẻ căn cước công dân*

Số giấy tờ pháp lý của cá nhân: 035091002613

Ngày cấp: 11/10/2022

Nơi cấp: Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội

Địa chỉ thường trú: A2602, Chung cư Tecco Skyville, Xã Ngũ Hiệp, Huyện Thanh Trì,  
Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Địa chỉ liên lạc: A2602, Chung cư Tecco Skyville, Xã Ngũ Hiệp, Huyện Thanh Trì,  
Thành phố Hà Nội, Việt Nam

**11. Nơi đăng ký:** Phòng Đăng ký kinh doanh Thành phố Hà Nội